

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2023/DS-ST

Ngày 09 tháng 8 năm 2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG.**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuận;

- Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Xuân Trường

2- Ông Lê Thanh Miện

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: ông Lê Đình Duy - Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2023. Về việc “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95b/2023/QĐXX -DS ngày 10/07/2023; Quyết định hoãn phiên tòa 108/2023/QĐST-HPT ngày 26/07/2023

* **Nguyên đơn:** Ông Đồng Văn D, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Thôn Trung Tâm, xã Hợp Th, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

* **Người đại diện theo uỷ quyền của ông Dũng, bà Liễu:**

+ Ông Vũ Văn X, sinh năm 1979. Địa chỉ: Khu Phương Vỹ, phường Vũ N, thành phố Bắc N, tỉnh Bắc N

+ Ông Trần Tuấn L, sinh năm 1999. Địa chỉ: Khu 2, phường Suối Hoa, thành phố Bắc N, tỉnh Bắc N.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Đồng, xã Hương G, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

+ Bà Nguyễn Thuỳ D, sinh năm 2001. Địa chỉ: Thôn Trại Trai, xã Ninh Xá, huyện Thuận Thành, thành phố Bắc N, tỉnh Bắc N.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

* **Bị đơn:** Bà Ngô Thị H, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Ông Bùi Văn L, sinh năm 1984 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Tân Sơn, xã Hùng S, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 10/02/2023; bản tự khai; Biên bản tiếp cận công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng ông và vợ chồng anh Bùi Văn L, chị Ngô Thị H là chỗ quen biết; Vợ chồng ông có cửa hàng bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm. Vợ chồng anh Luận; chị Hoa có đến mua cám về chăn nuôi lợn nhiều lần, có lần thì thanh toán ngay, có lần thì chưa thanh toán. Những lần anh Luận; chị Hoa chưa thanh toán tiền thì vợ chồng ông đều ghi sổ sách theo dõi đầy đủ.

Đến tháng 12/2020 vợ chồng anh Luận đã chốt nợ với vợ chồng ông. Tổng số tiền vợ chồng anh Luận nợ là 44.250.000 đồng, anh Luận là người ký chốt nợ. Sau thời điểm chốt nợ vợ chồng ông đã đòi anh Luận; chị Hoa nhiều lần nhưng vợ chồng anh Luận cứ khất nợ không trả, nên vợ chồng ông Dũng, bà Liễu đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa yêu cầu vợ chồng anh Luận và chị Hoa phải trả số tiền nợ mua cám chăn nuôi còn nợ là 44.250.000 đồng và yêu cầu anh Luận và chị Hoa phải trả số tiền lãi là 10% tính từ ngày 30/12/2020 cho đến ngày xét xử tính tròn là 24 tháng = 8.814.600 đồng

Tại văn bản ý kiến gửi cho Tòa án ngày 05/8/2023 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án thì anh Luận và chị Hoa đã trả được 10.000.000 đồng. Nay nguyên đơn xác định vợ chồng anh Luận; chị Hoa còn nợ số tiền gốc là 34.250.000 đồng

Ông yêu cầu tính lãi 10%/năm của số tiền gốc 34.250.000 đồng từ ngày 30/12/2022 đến ngày xét xử tính tròn là 06 tháng = 1.705.650 đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn ông Dũng, bà Liễu yêu cầu vợ chồng anh Luận, chị Hoa phải trả là 44.770.250 đồng trong đó (tiền gốc là 34.250.000 đồng; Tiền lãi là 10.519 đồng).

Do điều kiện công việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt khi xét xử.

Bị đơn là anh Bùi Văn L tại biên bản ghi lời khai ngày 18/4/2023 trình bày: Anh và gia đình ông Dũng, bà Liễu có mối quan hệ quen biết nhau. Vợ chồng ông Dũng, bà Liễu buôn bán thức ăn chăn nuôi, nên vợ chồng anh có mua cám của vợ chồng ông Dũng, bà Liễu về để chăn nuôi từ năm 2019. gia đình anh có mua nhiều lần, có lần anh thanh toán, có lần chưa thanh toán. Đến tháng 12/2020 giữa anh và ông Dũng, bà Liễu có chốt nợ với nhau thì vợ chồng anh còn nợ ông Dũng, bà Liễu tổng số tiền là 44.250.000 đồng, do điều kiện chăn nuôi thua lỗ vợ chồng anh chưa thanh toán trả được số tiền trên, vợ chồng ông Dũng, bà Liễu có đến đòi nhưng gia đình anh chưa thanh toán được.

Đến tháng 12/2022 vợ chồng anh trả tiền cho ông Dũng, bà Liễu được 10.000.000 đồng và còn nợ vợ chồng ông Dũng, bà Liễu số tiền 34.250.000 đồng. Nay ông Dũng, bà Liễu yêu cầu bà trả số tiền 34.250.000 đồng thì anh đồng ý trả,

nhưng anh đề nghị cho gia đình anh xin được trả dần, mỗi năm trả một ít.

Về lãi suất: thì anh không đồng ý trả vì khi mua cám thì đã được tính lãi rồi.

Do điều kiện công việc anh có đơn xin vắng mặt khi hòa giải và xét xử.

Bị đơn chị Ngô Thị H là vợ của anh Bùi Văn L, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đã nhiều lần liên hệ yêu cầu chị Hoa đến Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa làm việc nhưng chị Hoa không đến Tòa án làm việc và không có bản khai gửi cho Tòa án.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến; về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 430; Điều 431, Điều 433; Điều 440; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn D và bà Phạm Thị Liễu.

Buộc ông Bùi Văn L và bà Ngô Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông Đồng Văn D và bà Phạm Thị Liễu tổng số tiền còn nợ là 44.770.000 đồng trong đó (tiền gốc là 34.250.000 đồng; Tiền lãi là 10.519.000 đồng).

2. Về án phí: Anh Bùi Văn L; chị Ngô Thị H phải chịu 2.238.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông Dũng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo đối với đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]- Về tố tụng:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt khi xét xử; Bị đơn Bị đơn anh Bùi Văn L có đơn xin vắng mặt khi xét xử; Bị đơn chị Ngô Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự, để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Bị đơn anh Luận, chị Hoa đã được triệu tập và thông báo về phiên hòa giải hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải nên không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Về phiên họp: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, tại phiên họp bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành phiên họp công

khai chứng cứ vắng mặt đương sự đối với bị đơn anh Luận; chị Hoa là phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2.1. Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh Bùi Văn L, chị Ngô Thị H phải trả số tiền còn nợ mua cám chăn nuôi tổng số tiền còn nợ là 44.770.000 đồng trong đó (tiền gốc là 34.250.000 đồng; Tiền lãi là 10.519.000 đồng).

Các bên khi mua bán hàng hóa, tuy không làm hợp đồng mua bán, nhưng có thỏa thuận với nhau về việc mua bán và đã chốt nợ với nhau đối với số tiền còn nợ. Khi có tranh chấp nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, nên xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”. Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

2.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện vụ án của nguyên đơn: Các đương sự không ai có ý kiến xem xét về thời hiệu.

[4]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Yêu cầu bị đơn anh Luận, chị Hoa phải trả số tiền còn nợ mua cám còn nợ tổng số tiền còn nợ là 44.770.000 đồng trong đó (tiền gốc là 34.250.000 đồng; Tiền lãi là 10.519.000 đồng).

HĐXX thấy rằng: Qua các lời khai của đương sự nguyên đơn; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bị đơn và các tài liệu chứng cứ thể hiện giữa các bên có chốt nợ với nhau tiền mua cám, số tiền mua cám còn nợ là tiền gốc là 44.250.000 đồng là có thật. Ngày 12/2022 vợ chồng anh Luận đã trả cho gia đình ông Dũng, bà Liễu là 10.000.000 đồng. Số tiền còn nợ là 34.250.000 đồng. Bị đơn anh Luận thừa nhận còn nợ số tiền trên, nhưng do làm ăn chăn nuôi thua lỗ, nên chưa có tiền để trả, anh xin được trả dần, do vậy yêu cầu khởi kiện của ông Dũng và bà Liễu là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về yêu cầu đòi lãi của nguyên đơn: Yêu cầu tính lãi là 0,83%/tháng kể từ ngày chốt nợ ngày 30/12/2020 đến ngày 30/12/2022 bằng 24 tháng của số tiền 44.250.000 đồng = 8.814.000 và yêu cầu tính lãi là 0,83%/tháng của số tiền 34.250.000 đồng kể từ ngày 30/12/2022 đến ngày xét xử tình chòn là 06 tháng = 1.705.000 đồng; Bị đơn anh Luận không đồng ý việc trả lãi. HĐXX nhận thấy việc giao kết mua bán hàng hóa giữa các bên không có thỏa thuận với nhau về thời hạn trả, phương thức thanh toán, không có thỏa thuận với nhau về lãi, tuy nhiên theo lời khai của đương sự kể từ thời điểm chốt nợ nguyên đơn ông Dũng và bà Liễu đã đến đòi nhiều lần nhưng anh Luận và chị Hoa không trả và khất nợ nhiều lần. Theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự, thì bên mua phải có trách nhiệm thanh toán tiền tại thời điểm nhận tài sản, vậy anh Luận và chị Hoa vi phạm không trả tiền cho bên bán là vi phạm về nghĩa vụ trả tiền, như vậy kể từ thời điểm chốt nợ ngày 30/12/2020 khi hai bên chốt nợ mua bán hàng hóa với nhau thì bên mua hàng hóa là anh Luận. chị Hoa đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bà bị đơn

phải trả lãi là 0,83%/tháng tổng số tiền lãi là 10.519.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

Tổng số tiền anh Luận và chị Hoa phải trả cho vợ chồng ông Dũng; bà Liễu cả gốc và lãi là 44.770.000 đồng, trong đó tiền gốc là 34.250.000 đồng, tiền lãi: 10.519.000 đồng

Từ những phân tích đánh giá nêu trên. Hội đồng xét xử thấy rằng có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn D buộc anh Luận và chị Hoa có nghĩa vụ trả cho ông Dũng bà Liễu số tiền còn nợ cả gốc và lãi là 44.770.000 đồng trong đó (tiền gốc là 34.250.000 đồng; Tiền lãi là 10.519.000 đồng).

[5]- Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị đơn anh Luận, chị Hoa phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên ông Dũng và bà Liễu không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Dũng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự đối với Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án và việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[6]- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 430; Điều 431, Điều 433; Khoản 3 Điều 440; khoản 1 Điều 357; Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Văn D và bà Phạm Thị Liễu.

Buộc anh Bùi Văn L và chị Ngô Thị H phải có nghĩa vụ trả cho ông ông Đồng Văn D và bà Phạm Thị Liễu tổng số tiền còn nợ là 44.770.000 đồng trong đó (tiền gốc là 34.250.000 đồng; Tiền lãi là 10.519.000 đồng).

2. Về án phí: Anh Bùi Văn L; chị Ngô Thị H phải chịu 2.238.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Đồng Văn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002552 ngày 15/3/2023 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong đối với các khoản tiền mà bên có nghĩa vụ phải

thanh toán cho bên được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa,
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa,
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thanh Thuần